TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST Ngày 08-9-2021 *V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: ông Võ Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: ông K'Bar và ông Phạm Xuân Đức

- Thư ký phiên tòa: ông Nông Đình Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: ông Lương Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2020/ TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-DS, ngày 23-7-2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Tạ Thị L, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

- *Bị đơn*: anh Võ Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; *(hiện đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 thuộc B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông*); vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Tạ Thị L trình bày: Chị và anh Võ Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 01-10-2009. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc. Khoảng năm 2019, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy, chị

khuyên nhưng không cai được; anh T bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc với thời gian dài. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: xin được ly hôn với anh T.

- Về con chung: chị L và anh T có 02 hai con chung là Võ Văn Thành Đ, sinh ngày 29-5-2011 và Võ Văn Thành D, sinh ngày 30-7-2015. Khi ly hôn chị nhận nuôi hai cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Võ Văn T trình bày: anh và chị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 01-10-2009; anh T xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khi anh đi cai nghiện bắt buộc, tình cảm vợ chồng mới rạn nứt nhưng trước đó không có mâu thuẫn, chị L xin ly hôn anh T chưa đồng ý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt lần 2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến với các nội dung:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: chị Tạ Thị L được ly hôn với anh Võ Văn T; về con chung: giao cháu Võ Văn Thành Đ, sinh ngày 29-5-2011 và Võ Văn Thành D, sinh ngày 30-7-2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: chị L không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung: không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị Tạ Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn và nuôi con với anh Võ Văn T; chị L và anh T có đăng ký kết hôn nên quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"*; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Tạ Thị L và anh Võ Văn T kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 01-10-2009 là hợp pháp. Do mâu thuẫn gia đình, tính tình không hợp, anh T bị cai nghiện bắt buộc, điều này thể hiện đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L là đúng với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* cháu Võ Văn Thành Đ, sinh ngày 29-5-2011 và Võ Văn Thành D, sinh ngày 30-7-2015 đang ở với chị L, nguyện vọng cháu Đ mong được sống với mẹ. Lẽ ra cần giao cho anh T nuôi 01 con chung là phù hợp, tuy nhiên anh T hiện đang bị cai nghiện bắt buộc nên giao cho chị L trực tiếp nuôi con đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T được quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng: chị L không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng cho con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Tạ Thị L được ly hôn với anh Võ Văn T.

1.2. Về con chung: giao cháu Võ Văn Thành Đ, sinh ngày 29-5-2011 và Võ Văn Thành D, sinh ngày 30-7-2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: anh Võ Văn T không phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Tạ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000949, ngày 03-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong. Chị L đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Đ; *(đã ký và đóng dấu)*
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn, *(để vào sổ Hộ tịch)*;
- Đương sự;
- Lưu.

Võ Văn Vinh